

Số: 4381 /BGDDĐT-GDDH**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

V/v cập nhật cơ sở dữ liệu quản lý về
giáo dục đại học và rà soát hiện trạng
đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ

Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2018

Kính gửi: - Các đại học, trường đại học, học viện;
- Các viện nghiên cứu có đào tạo trình độ tiến sĩ.

Thực hiện kế hoạch triển khai các nhiệm vụ năm 2018 về giáo dục đại học, Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai thực hiện cập nhật cơ sở dữ liệu quản lý về giáo dục đại học phục vụ công tác quản lý nhà nước nói chung và thực hiện rà soát hiện trạng, đánh giá việc đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ trong các cơ sở giáo dục đại học nói riêng; cơ sở để xem xét xử lý đối với trường, ngành không đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng theo quy định.

Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các cơ sở giáo dục đại học thực hiện các nội dung sau:

1. Đăng nhập vào Hệ thống cơ sở dữ liệu về giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi là Hệ thống cơ sở dữ liệu) tại địa chỉ hemis.moet.edu.vn/csdlqg/login để cập nhật đầy đủ số liệu theo hướng dẫn trong Hệ thống cơ sở dữ liệu trước ngày 15/10/2018.

2. Gửi công văn báo cáo việc hoàn thành kê khai thông tin trên Hệ thống cơ sở dữ liệu về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Giáo dục Đại học) trước ngày 20/10/2018; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin kê khai.

3. Bên cạnh đó, các cơ sở giáo dục đại học có đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ trích xuất Báo cáo rà soát đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ từ Hệ thống cơ sở dữ liệu (theo mẫu báo cáo kèm theo), có xác nhận của thủ trưởng cơ sở đào tạo (ký và đóng dấu) và gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Giáo dục Đại học) trước ngày 20/10/2018.

Mọi thông tin chi tiết đề nghị liên hệ với Vụ Giáo dục Đại học (qua chuyên viên Đào Phan Vũ), số điện thoại: 0983218090, E-mail: dpvu@moet.gov.vn.

Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo để các cơ sở giáo dục đại học biết và tổ chức thực hiện. *luu*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Website Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, GDDH.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Phúc

..... (Tên Cơ sở đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ)

MẪU SỐ 1

BÁO CÁO TỔNG HỢP

(Kèm theo công văn số ~~338~~ /BGDDT-GDDH ngày ~~24~~ tháng 9... năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Dùng cho việc báo cáo đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ

(Mỗi cơ sở đào tạo lập một báo cáo tổng hợp)

Địa chỉ CSĐT:

Thủ trưởng đơn vị :

Điện thoại thủ trưởng đơn vị :

Người liên hệ:

Điện thoại người liên hệ:

E-mail người liên hệ:

Tỉnh / Thành phố - 2018

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Bảng 1. Thông tin chung về cơ sở đào tạo

TT	Nội dung	Số lượng
1.	Tổng số giảng viên, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học, nhân viên phục vụ trong số lượng của Cơ sở đào tạo (cơ hữu)	
2.	Tổng số GS, GS.TSKH, GS.TS cơ hữu	
3.	Tổng số PGS, PGS.TSKH, PGS.TS cơ hữu	
4.	Số TS cơ hữu (chưa có chức danh GS hoặc PGS)	
5.	Tổng số thư viện điện tử ở nước ngoài được kết nối với thư viện của Cơ sở đào tạo	
6.	Tổng số thư viện điện tử ở trong nước được kết nối với thư viện của Cơ sở đào tạo	

Chú ý: Số liệu thuộc các nội dung từ thứ 2 đến thứ 4 không được trùng lặp.

Bảng 1.1 : Minh chứng cho Bảng 1, nội dung 1, 2, 3, 4: Lập danh sách giảng viên cơ hữu có chức danh khoa học hoặc trình độ tiến sĩ vào bảng sau:

TT	Họ và tên	Ngày/tháng/sinh	Chức danh giảng viên (GS, PGS)	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Tham gia chủ trì ngành đào tạo trình độ thạc sĩ	Tham gia chủ trì ngành đào tạo trình độ tiến sĩ
1							
2							
3							
...							

2. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THẠC SĨ, TIẾN SĨ

Bảng 2. Thông tin chung về đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ

TT	Nội dung	Năm/Số lượng
1.	Năm bắt đầu đào tạo trình độ thạc sĩ	
2.	Năm bắt đầu đào tạo trình độ tiến sĩ	
3.	Số ngành thạc sĩ đang được phép đào tạo	
4.	Số ngành tiến sĩ đang được phép đào tạo	
5.	Số tạp chí khoa học do Cơ sở đào tạo xuất bản	

Bảng 2.1: Danh sách các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ đang đào tạo

TT	Tên ngành đào tạo	Mã số	Số quyết định mở ngành	Ngày/tháng/năm ban hành
1				
...				

Bảng 2.2: Danh sách các ngành đào tạo trình độ tiến sĩ đang đào tạo

TT	Tên ngành đào tạo	Mã số	Số quyết định mở ngành	Ngày/tháng/năm ban hành
1				
...				

Ghi chú : Bảng 2.1, 2.2 thống kê các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ đã được cấp có thẩm quyền cho phép đào tạo hoặc tự chủ mở ngành (ghi theo trình tự thời gian), tên ngành và mã số ghi theo quy định tại Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Bảng 2.3: Tổng số thạc sĩ, tiến sĩ tốt nghiệp từ 2015 đến 31/8/2018

TT	Năm	Số thạc sĩ tốt nghiệp				Số tiến sĩ tốt nghiệp			
		Tổng số tốt nghiệp	Nữ	Dân tộc ít người	Người nước ngoài	Tổng số tốt nghiệp	Nữ	Dân tộc ít người	Người nước ngoài
1	2015								
2	2016								
3	2017								
4	2018 (tính đến 31/8/2018)								
	Tổng số								

Bảng 2.4: Danh mục tạp chí khoa học do cơ sở đào tạo xuất bản

TT	Tên tạp chí	Thể loại xuất bản (in/điện tử/cả in và điện tử)	Năm bắt đầu phát hành	Số kỳ xuất bản/năm	Số điểm tối đa được tính bởi HDCCDGSNN	ISBN

3. KẾT QUẢ CHUNG VỀ ĐÀO TẠO TIẾN SĨ

Bảng 3.1. Số liệu về đào tạo trình độ thạc sĩ của Cơ sở đào tạo trong thời gian 2015 – 2018

TT	Năm	2015	2016	2017	31/8/2018
1	Chỉ tiêu				
2	Tổng số học viên cao học tuyển mới trong năm				
3	Tổng số học viên cao học của CSDT trong năm				
4	Tổng số học viên cao học tốt nghiệp trong năm				
4.1	Trong đó: Nữ				
4.2	Dân tộc ít người				
4.3	Người nước ngoài				

Bảng 3.2. Số liệu về đào tạo trình độ tiến sĩ của Cơ sở đào tạo trong thời gian 2015 – 2018

TT	Năm	2015	2016	2017	31/8/2018
1	Chỉ tiêu				
2	Tổng số NCS tuyển mới trong năm				
3	Tổng số NCS của CSDT trong năm				
4	Tổng số tiến sĩ tốt nghiệp trong năm				
4.1	Trong đó: Nữ				
4.2	Dân tộc ít người				
4.3	Người nước ngoài				

4. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO

Bảng 4.1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị và tài liệu phục vụ cho các ngành đào tạo

	Nội dung	Số lượng
1.	Số phòng thí nghiệm/cơ sở nghiên cứu	
2.	Số đầu sách tham khảo phục vụ các ngành đào tạo: - Dạng in - Dạng điện tử	
3.	Số tạp chí phục vụ các ngành đào tạo : - Dạng in - Dạng điện tử - Dạng in và điện tử	

Bảng 4.2: Danh sách phòng thí nghiệm/cơ sở nghiên cứu

TT	Tên phòng thí nghiệm	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Phục vụ các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ	Phục vụ các ngành đào tạo trình độ tiến sĩ

5. HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, HỢP TÁC QUỐC TẾ

Bảng 5.1. Đề tài khoa học do Cơ sở đào tạo chủ trì đã hoàn thành từ năm 2014 đến 31/8/2018

Nội dung	Số lượng
1. Số đề tài cấp Nhà nước do CSDT chủ trì đã hoàn thành	
2. Số đề tài nghị định thư do CSDT chủ trì đã hoàn thành	
3. Số đề tài cấp Bộ/tỉnh do CSDT chủ trì đã hoàn thành	
4. Số đề tài cấp Cơ sở đã hoàn thành	
5. Số chương trình dự án hợp tác quốc tế	

Bảng 5.2 Bài báo khoa học, hội nghị, hội thảo của Cơ sở đào tạo từ năm 2014 đến 31/8/2018

Nội dung	Số lượng
1. Tổng số bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI Scopus	
2. Tổng số bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế có phân biệt độc lập khác	
3. Tổng số bài báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước có phân biệt	
4. Số hội thảo, hội nghị khoa học cấp quốc gia do CSDT chủ trì tổ chức	
5. Số hội thảo, hội nghị khoa học cấp quốc tế do CSDT chủ trì tổ chức	

6. CÁC KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO TRONG TỔ CHỨC TUYỂN SINH ĐÀO TẠO

6.1. Trình độ thạc sĩ

.....

.....

6.2. Trình độ tiến sĩ

.....

.....

7. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ, TIẾN SĨ

7.1. Trình độ thạc sĩ

.....

.....

7.2. Trình độ tiến sĩ

.....

.....

....., ngày tháng năm 2018

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Ký tên, đóng dấu)

..... (Tên Cơ sở đào tạo thạc sĩ)

MẪU SỐ 2

BÁO CÁO NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Kèm theo công văn số ~~4381~~ /BGDDĐT-GDDH ngày ~~24~~ / 9. / 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

(Mỗi ngành lập một báo cáo riêng)

Tên ngành đào tạo :

Mã số :

Tỉnh / Thành phố - 2018

1. Năm được giao ngành đào tạo: , theo văn bản số :
- (Kể cả các ngành thí điểm, liên kết đào tạo với nước ngoài có văn bản cho phép của cơ quan có thẩm quyền)
2. Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất):; ngày quyết định :
3. Báo cáo về đội ngũ giảng viên cơ hữu

Bảng 1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu đang tham gia chủ trì ngành đào tạo

GIÁO SƯ	PHÓ GIÁO SƯ	TIẾN SĨ

Bảng 1.1. Minh chứng cho Bảng 1

TT	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh	Chức danh giảng viên (GS, PGS)	Trình độ	Năm tuyển dụng	Hình thức hợp đồng lao động	Thời hạn Hợp đồng lao động	Chuyên môn được đào tạo	Số học viên cao học đang hướng dẫn
1									
2									
3									
4									
...									

*Chú ý : Hình thức hợp đồng lao động là (Công chức/Viên chức/hợp đồng lao động)

4. Tuyển sinh, quy mô đào tạo và số lượng tốt nghiệp

Bảng 2. Số lượng nhập học, số học viên cao học (HVCH) tốt nghiệp trong năm của ngành đào tạo

	Tổng số HVCH nhập học trong năm thuộc ngành đào tạo				Tổng số HVCH trong năm thuộc ngành đào tạo (Quy mô)	Tổng số HVCH tốt nghiệp trong năm thuộc ngành đào tạo	
	Tổng số nhập học trong năm	Nữ nhập học trong năm	Dân tộc ít người nhập học trong năm	Người nước ngoài nhập học trong năm		Tổng số tốt nghiệp trong thời hạn 2 năm	Tổng số tốt nghiệp quá thời hạn 2 năm
2015							
2016							
2017							
31/8/2018							
Tổng số							

Bảng 2.1. Danh sách học viên cao học thuộc ngành đào tạo hiện có tại cơ sở đào tạo

TT	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh	Cơ quan công tác	Năm trúng tuyển	Địa điểm đào tạo
1					
2					
3					
...					

....., ngày tháng năm 2018
THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO
(Ký tên, đóng dấu)

..... (Tên Cơ sở đào tạo tiên sĩ)

MÃ SỐ 3

BÁO CÁO NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

(Kèm theo công văn số ~~131~~ **131**/BGDDĐT-GDDH ngày **4**/**9**.. / 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

(Mỗi ngành lập một báo cáo riêng)

Tên ngành đào tạo :

Mã số :

Tỉnh / Thành phố - 2018

1. Năm được giao ngành đào tạo: , theo văn bản số :
- (Kể cả các ngành thí điểm, liên kết đào tạo với nước ngoài có văn bản cho phép của cơ quan có thẩm quyền)
2. Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất): ; ngày quyết định:
3. Báo cáo về đội ngũ giảng viên cơ hữu

Bảng 1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu đang tham gia chủ trì ngành đào tạo

GIÁO SƯ	PHÓ GIÁO SƯ	TIẾN SĨ

Bảng 1.1 : Minh chứng cho bảng 1

TT	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh	Chức danh giảng viên (GS, PGS)	Trình độ	Năm tuyển dụng	Hình thức hợp đồng lao động	Thời hạn Hợp đồng lao động	Chuyên môn được đào tạo	Số học NCS đang hướng dẫn
1									
2									
3									
4									
...									

**Chú ý : Hình thức hợp đồng lao động là (Công chức/Viên chức/Hợp đồng lao động)*

4. Tuyển sinh, quy mô đào tạo và số lượng tốt nghiệp

Bảng 2. Số lượng nhập học, số tiến sĩ tốt nghiệp trong năm của ngành đào tạo

	Tổng số NCS nhập học trong năm thuộc ngành đào tạo				Tổng số NCS trong năm thuộc ngành đào tạo (Quy mô)	Tổng số tiến sĩ tốt nghiệp trong năm thuộc ngành đào tạo	
	Tổng số nhập học trong năm	Nữ nhập học trong năm	Dân tộc ít người nhập học trong năm	Người nước ngoài nhập học trong năm		Tổng số tốt nghiệp đúng hạn theo QĐ công nhận NCS	Tổng số tốt nghiệp quá hạn theo QĐ công nhận NCS
2015							
2016							
2017							
31/8/2018							
Tổng số							

Bảng 2.1. Danh sách nghiên cứu sinh thuộc ngành đào tạo hiện có tại cơ sở đào tạo (bao gồm cả các NCS đã trả về cơ quan công tác, nhưng còn trong hạn 7 năm)

TT	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh	Cơ quan công tác	Năm công nhận NCS	Thời gian đào tạo	Người hướng dẫn 1		Người hướng dẫn 2	
						Họ và tên	Cơ quan công tác	Họ và tên	Cơ quan công tác
1									
2									
3									
...									

....., ngày tháng năm 2018

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Ký tên, đóng dấu)